TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HSST
Ngày: 26/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm trực tuyến tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ÔNG LÊ VĂN XÔ.
Các Hội thẩm nhân dân.
ÔNG NGUYỄN HẠ.
ÔNG LA MINH CÔNG.

***Thư ký phiên tòa*:** BÀ PHAN THỊ HOA – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa*:** ÔNG NGUYỄN VĂN BẮC – kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2023/HSST ngày 09/6/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HS ngày 14/6/2023 đối với bị cáo.

VÕ VĂN T – 2003. Tên gọi khác: Thanh; sinh tại: Bình Thuận.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: khu phố 12, phường X, thành phố R, tỉnh Bình Thuận.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không.

Trình độ văn hoá: 4/12, Nghề nghiệp: làm biển.

Con ông: Nguyễn Thanh H1(chết) và bà: Võ Thị U - 1981

Gia đình bị cáo có 04 anh, chị em; lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007, bị cáo là con thứ hai.

Vợ, con: chưa có.

Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2023 đến nay.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần – nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Những người tham gia tố tụng:

*Tại điểm cầu Trung tâm:

- *Bị hại:*

Bà BH – 1994. Trú: thôn Y, xã Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận(vắng mặt)).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông NLQ – 1966(có mặt).

Trú: Khu phố 11, phường X, TP.R, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng*:

1/Ông NLC 1 – 1995. Trú: khu phố 12, phường X, thành phố R, tỉnh Bình Thuận(vắng mặt).

2/Ông NLC 2 – 2005. Trú: thôn Y, xã Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận(vắng mặt).

Những người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:

- Ông Ngô Duy Khánh – Thư ký Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với hành vi của bị cáo Võ Văn T được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 03/12/2022, Võ Văn T đang trên ghe đánh bắt hải sản cùng với NLC 1, sinh năm 1995 (trú khu phố 12, phường X, thành phố R, tỉnh Bình Thuận) và NLC 2, sinh năm 2005 (trú khu phố 11, phường X, thành phố R, tỉnh Bình Thuận), trong lúc ghe đang đậu tại vùng biển Y, xã Z, huyện H thì giữa T và NLC 1 xảy ra mâu thuẫn nên T lấy thuyền thúng bỏ đi vào đất liền, rồi đi bộ ra đường nhựa để bắt xe về nhà ở phường X, thành phố R. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày do không bắt được xe nên T đi bộ vào lại hướng biển Y. Lúc này T phát hiện trong sân nhà của chị BH, sinh năm 1994 (thôn Y, xã Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận) đang để 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B4-104.86 hiệu Sirius, màu vàng – đen đang dựng trước sân trên xe có cắm sẵn chìa khoá, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Sau đó, T đi đến vị trí của chiếc xe 86B4-104.86 dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển chạy về nhà T ở phường X, thành phố R. Khi đi đến tiệm thu mua phế liệu của ông NLQ, sinh năm 1966 (trú khu phố 11, phường X, thành phố R, tỉnh Bình Thuận), do không có tiền tiêu xài nên T đã bán chiếc xe trên cho ông Lam với giá 1.000.000 đồng, số tiền này T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị mất xe chị BH đã trình báo sự việc đến Công an xã Z, huyện H. Đến ngày 07/12/2022 Võ Văn T đã đến Công an xã Z, huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/2022-HDĐG ngày 29/12/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện H kết luận**:** 01 xe mô tô biển kiểm soát 86B4 – 104.86 hiệu Sirius, màu vàng - đen do Võ Văn T trộm cắp có giá trị là 6.300.000 đồng.

Đối với ông NLQ, quá trình điều tra xác định ông NLQ không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B4 – 104.86 hiệu Sirius, màu vàng – đen là do bị cáo T trộm cắp mà có của chị BH bán cho mình. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 BLHS là có căn cứ

**** Vật chứng của vụ án:***

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 86B4 – 104.86 hiệu Sirius, màu vàng - đen. Quá trình điều tra đã xác định rõ là tài sản của chị BH nên ngày 26/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị BH.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

- Chị BH đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 86B4 – 104.86 hiệu Sirius, màu vàng - đen chị BH không có yêu cầu bồi thường gì thêm.
- ông NLQ không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng), đây là số tiền bị cáo T đã bán xe mô tô trên cho ông NLQ.

Tại bản cáo trạng số 77/CT-VKSHTN-HS ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Võ Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Võ Văn T.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Võ Văn T, phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt:

Võ Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại phiên tòa Ông NLQ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000đồng.

Đối với số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng bị cáo T có được từ việc bán xe. Xét thấy số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng bị cáo T có được là số tiền thu lợi bất chính. Cần phải buộc Võ Văn T nộp lại số tiền 1.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Buộc Võ Văn T nộp lại số tiền 1.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm, không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận. Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy trình của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 13 giờ ngày 03/12/2022 bị cáo T phát hiện trong sân nhà của chị BH đang để 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B4-104.86 hiệu Sirius, màu vàng – đen trước sân, trên xe có cắm sẵn chìa khoá, không có người trông coi nên bị cáo T đi đến chiếc xe 86B4-104.86 dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển chạy đi. Khi đi đến tiệm thu mua phế liệu của ông NLQ, bị cáo T đã bán chiếc xe trên cho ông NLQ với giá 1.000.000 đồng, số tiền này T đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 07/12/2022 Võ Văn T đã đến Công an xã Z, huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57/2022-HDĐG ngày 29/12/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện H kết luận**:** 01 xe mô tô biển kiểm soát 86B4 – 104.86 hiệu Sirius, màu vàng - đen do Võ Văn T trộm cắp có giá trị là 6.300.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Võ Văn T là cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Hành vi của bị cáo Võ Văn T là cố ý, đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*". Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như nội dung cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, nên cần đưa ra xét xử bị cáo, để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần lặp lại tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mức độ phạm tội của bị cáo để có mức hình phạt thích hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo ra đầu thú. Đây là tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, trong quá trình cho tại ngoại, bị cáo đi khỏi địa phương, gây khó khăn trong quá trình điều tra, nên bị bắt tạm giam thể hiện chưa ăn năn hối cải, cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo.

Đối với ông NLQ, quá trình điều tra xác định ông NLQ không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 86B4 – 104.86 hiệu Sirius, màu vàng – đen là do bị can T trộm cắp mà có của chị BH bán cho mình. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 BLHS là có căn cứ

[3]*Vật chứng vụ án:*

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 86B4 – 104.86 hiệu Sirius, màu vàng - đen. Quá trình điều tra đã xác định rõ là tài sản của chị BH nên ngày 26/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị BH. Xét thấy đã xử lý xong.

[4]***Trách nhiệm dân sự*:**

Tại phiên tòa Bị hại BH xin vắng mặt. Tuy nhiên trong hồ sơ thể hiện bị hại đã nhận lại tài sản bị mất là xe mô tô biển kiểm soát 86B4 -104.86 và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại phiên tòa Ông NLQ không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 1.000.000đồng.

Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, sự tự nguyện thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên không đặt ra để xử lý.

Đối với số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng bị cáo T có được từ việc bán xe. Xét thấy đây là số tiền thu lợi bất chính. Cần phải buộc Võ Văn T nộp lại số tiền 1.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5]***Về án phí***: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

TUYÊN BỐ: Bị cáo Võ Văn T, phạm tội: "**Trộm cắp tài sản**".

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

XỬ PHẠT: Võ Văn T 09(Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24/5/2023.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Buộc Võ Văn T nộp lại số tiền 1.000.000 đồng(Một triệu) đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm trực tuyến có mặt bị cáo tại điểm cầu thành phần; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại điểm cầu Trung tâm báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2023). Bị hại vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Xô